TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 1418/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Thị Lệ

Ông Dương Minh Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan - Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 949/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1961/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2139/2017/QĐ-HPT ngày 13/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị Kim N – sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số 123 (số mới: 563) đường T, Phường A, quận G, Tp.HCM;

- *Bị đơn*: Ông Cao Văn K – sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số 123 (số mới: 563) Đường T, Phường A, quận G, Tp.HCM;

(*Bà Đỗ Thị Kim N có đơn xin vắng mặt; Ông K: vắng mặt*)

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/03/2017 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N trình bày: Ngày 26 tháng 02 năm 2013, bà và ông Cao Văn K kết hôn, được UBND Phường A, quận G cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26/02/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, sau khi Bà N sinh con thì Ông K có biểu hiện cọc cằn thô lỗ, ăn nói tục, thường

xuyên chửi mắng, đánh đập Bà N. Thậm chí còn nhiều lần đe dọa, xúc phạm gia đình, bố mẹ Bà N dẫn đến xung đột giữa hai vợ chồng ngày càng gia tăng.

Đầu năm 2016, vợ chồng bắt đầu ở riêng, sống ly thân không liên quan gì đến nhau. Bà N đang nuôi con chung tên C tại địa chỉ số 123 (số mới: 563) Đường T, Phường A, quận G, Tp.HCM.

Về con chung: Có 01 con chung là C, sinh ngày 20/01/2015.

Bà N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày: 20/01/2015 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu Ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N có đơn xin vắng mặt. Mọi yêu cầu của bà Kim N vẫn giữ nguyên như trong Đơn khởi kiện, bản tự khai. Cụ thể, Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với Ông K; con chung là C, sinh ngày: 21/01/2015 được Bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu Ông K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Cao Văn K để thông báo thụ lý; tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng Ông K đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý, và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Thị Kim N được ly hôn với ông Cao Văn K.

- Về con chung: Giao con chung C, sinh ngày: 20/01/2015 cho bà Kim N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ông K cho đến khi Bà N có yêu cầu.

Ông K được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại bản tự khai, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của Bà N đối với Ông K là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ để thông báo thụ lý; tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng Ông K đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông K.

Về nội dung: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số: 037, quyển số: 01/2013 ngày 26/02/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Kim N và ông Cao Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

1/ Về yêu cầu xin ly hôn của Bà N: Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà N đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Bà N là phù hợp với quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì thực tế cả hai không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được thì không nhất thiết phải kéo dài cuộc sống vợ chồng nữa, hiện cả hai đã sống ly thân; Ông K mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, thể hiện Ông K không quan tâm đến kết quả xin ly hôn của Bà N tại Tòa. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà N đối với Ông K.

2/ Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà Kim N, đồng thời căn cứ vào giấy khai sinh của trẻ C xác định bà Kim N và Ông K có 01 con chung là C, sinh ngày 20/01/2015.

Xét về tuổi, trẻ C sinh ngày 20/01/2015 hiện cũng chỉ mới 32 tháng tuổi (tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi) vẫn còn nhỏ; Cần sự chăm sóc của người mẹ hơn vì người phụ nữ chăm sóc con nhỏ chu đáo hơn đàn ông.

Hiện nay Bà N đang nuôi trẻ C nên Hội đồng xét xử giao con chung: C, sinh ngày 20/01/2015 cho Bà N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ông K cho đến khi Bà N có yêu cầu.

Ông K được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim N được ly hôn với ông Cao Văn K (Giấy chứng nhận kết hôn số: 037, quyển số: 01/2013 ngày 26/02/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

Về con chung: Giao con chung tên C, sinh ngày: 20/01/2015 cho Bà N nuôi đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ông K cho đến khi Bà N có yêu cầu.

Ông K được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim N phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng, cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Kim N đã nộp. Bà Kim N đã nộp xong án phí theo Biên lai số AA/2016/0018901 ngày 28/06/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Đương sự có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án theo các Điều 7, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND quận Gò Vấp;
- Chi Cục thi hành án
dân sự quận Gò Vấp;
- UBND P.A, Q. G, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Hoàng